TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KO** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 209/2018/QĐST-HNGĐ.	*Kon Tum, ngày 15 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 347/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố K.

Bị đơn: Anh Trần Hải N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Hẻm 141 Võ Nguyên G, thành phố K, tỉnh KonTum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa:

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1991.

Anh Trần Hải N, sinh năm 1986.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Trần Hải N thỏa thuận - thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Ngô Anh T, sinh ngày 21/02/2016 cho chị Ngô Thị H chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Hải N cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn).* Thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con từ tháng 7/2018

cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Trần Hải N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

- Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Ngô Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ và nhận nộp thay 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Hải N nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001528 ngày 19/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị Ngô Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- UBND xã Đ, tp K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn Nưm